TRƯỜNG THCS, THPT PHAN CHÂU TRINH

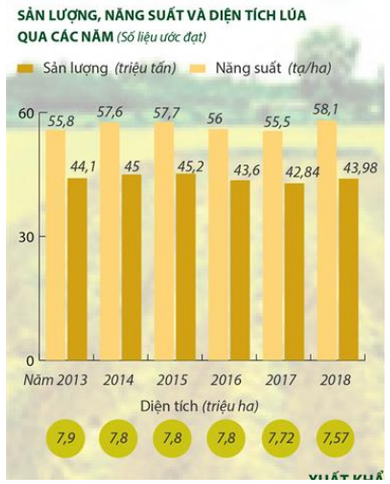

TỔ CHỨC LÃNH THỔ NÔNG NGHIỆP

- **Khái quát**
  - Sự phân hóa tự nhiên tạo nền chung cho phân hóa lãnh thổ NN
  - Nhân tố kinh tế - xã hội có tác động mạnh làm lãnh thổ NN chuyển biến
- **Hình thành 7 vùng nông nghiệp**
  - Vùng chuyên canh cây CN lâu năm
    - Đông Nam Bộ: Cao su
    - Tây Nguyên: Cà phê, chè
    - Trung du & MNBB: Chè
  - Vùng chuyên canh lúa, LTTP
    - ĐBSCL số 1 lúa, thủy sản, cây ăn quả
    - ĐBSH số 2 lúa, LTTP
  - Bắc Trung Bộ và DH Nam Trung Bộ
    - Cây hàng năm
    - Gia súc và thủy sản
- **Những thay đổi**
  - Tăng cường CMH sản xuất
  - Đẩy mạnh đa dạng hóa NN, đa dạng hóa kinh tế nông thôn

LÂM NGHIỆP

Có vai trò quan trọng về kinh tế và sinh thái

- **Tài nguyên rừng vốn giàu có, hiện bị suy thoái nhiều**
  - Rừng phòng hộ gần 7tr ha
  - Rừng đặc dụng (VQG, Khu BTTN, Khu DTSQ...)
  - Rừng sản xuất 5,4 triệu ha
- **Tình hình**
  - Gồm lâm sinh, khai thác, chế biến gỗ và lâm sản
  - 2,5 triệu ha rừng trồng
  - Khai thác thường xuyên, là nước xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ lớn

NGÀNH THỦY SẢN

- **Thuận lợi**
  - Bờ biển dài, vùng đặc quyền kinh tế rộng
  - Nguồn lợi thủy hải sản khá phong phú
  - Có 4 ngư trường trọng điểm
  - Nhiều bãi triều, đầm phá, rừng ngập mặn
  - Nhiều sông suối, kênh rạch, ao hồ ô trũng
  - Nhân dân có nhiều kinh nghiệm
  - Phương tiện được trang bị tốt hơn
  - Dịch vụ thủy sản, CNCB ngày càng phát triển
  - Thị trường rộng lớn
  - Chính sách đổi mới của Nhà Nước
- **Khó khăn**
  - Bão, Gió mùa Đông Bắc
  - Tàu thuyền, phương tiện chậm đổi mới
  - Cảng cá chưa đáp ứng được yêu cầu
  - Chất lượng chế biến chưa cao
  - Môi trường suy thoái, tài nguyên giảm
- **Tình hình**
  - Sản lượng tăng nhanh
    - Khai thác 3,603 triệu tấn
    - Nuôi trồng 4,154 triệu tấn
  - Phân bố
    - Số 1 là ĐBSCL
    - Số 2 DH Nam Trung Bộ
    - Nuôi tôm quan trọng, chuyển từ quảng canh sang quảng canh cải tiến, bán thâm canh và thâm canh công nghiệp

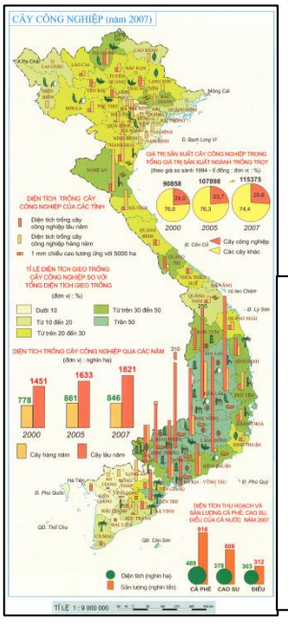

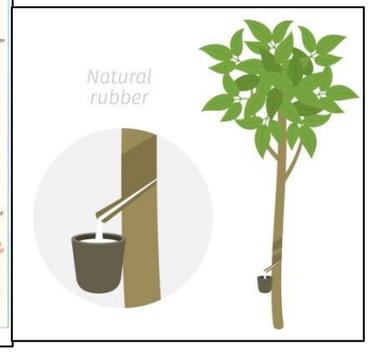

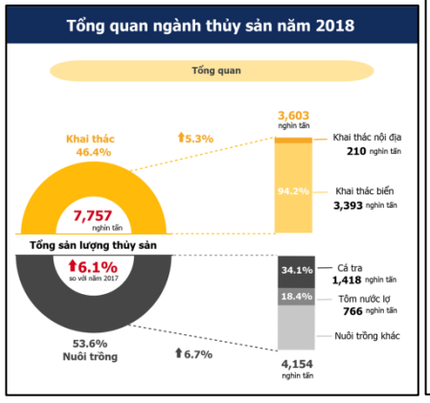

NGÀNH NÔNG NGHIỆP

ĐẶC ĐIỂM NỀN NN NƯỚC TA

- **Kim ngạch xuất khẩu**
  - 6,12 triệu tấn (2018)
  - 3,06 tỷ USD (trị giá)
  - 501,0 USD/tấn (giá xuất khẩu bình quân)
- **NỀN NN NHIỆT ĐỚI**
  - Điều kiện tự nhiên
    - Thế mạnh
      - Khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa và có sự phân hóa
        - Cơ cấu mùa vụ
        - Cơ cấu sản phẩm
      - Sự phân hóa của địa hình, đất trồng
        - Áp dụng các hệ thống canh tác khác nhau giữa các vùng
        - Trung du và miền núi >>> Cây CN lâu năm, chăn nuôi GS lớn
        - Đồng bằng >>> cây ngắn ngày, thâm canh, tăng vụ, nuôi trồng thủy sản
    - Hạn chế
      - Khí hậu thất thường >>> Sản xuất bấp bênh
      - Thiên tai, sâu bệnh, dịch bệnh
  - Kết quả
    - Các tập đoàn cây, con được phân bố phù hợp hơn
    - Cơ cấu mùa vụ có những thay đổi quan trọng
    - Tính mùa vụ được khai thác tốt hơn nhờ
      - hoạt động vận tải
      - công nghiệp chế biến
      - bảo quản nông sản
    - Đẩy mạnh sản xuất nông sản xuất khẩu
- **NỀN NÔNG NGHIỆP HÀNG HÓA**
  - Đặc trưng
    - Nông dân quan tâm đến thị trường
  - Mục đích
    - Tạo ra nhiều nông sản và lợi nhuận
  - Định hướng
    - Đẩy mạnh thâm canh , chuyên môn hóa
    - Sử dụng nhiều máy móc, vật tư NN
    - Ứng dụng công nghệ mới
    - Gắn với CNCB và dịch vụ NN
  - Phân bố
    - Vùng có truyền thống sản xuất hàng hóa
    - Vùng gần trục giao thông và các TP lớn

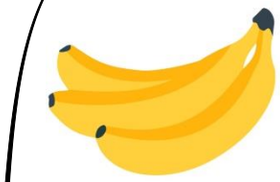

NGÀNH TRỒNG TRỌT

- **Vai trò**
  - Thức ăn chăn nuôi
  - Đảm bảo an ninh lương thực
  - Hàng xuất khẩu
  - Đa dạng hóa SXNN
- **Thuận lợi**
  - Tài nguyên đất, nước , khí hậu, địa hình
  - Lao động dồi dào, kinh nghiệm, thị trường, chính sách, CSHT nông nghiệp
- **Khó khăn**
  - Thiên tai, sâu bệnh, dịch bệnh
  - Thiên tai, sâu bệnh, dịch bệnh
- **Lương thực**
  - Tình hình
    - Diện tích: 7,57 triệu ha 2018
    - Sản lượng gần 44 triệu tấn 2018
    - Năng suất: 58,1 tạ/ha
    - Bình quân lương thực trên 460 kg/người
    - Xuất khẩu: thứ 3 thế giới
  - Phân bố
    - ĐBSCL là vùng số 1 về DT và SL
    - ĐBSH là vùng số 2, năng suất số 1
- **Cây thực phẩm**
  - Phân bố khắp nơi, nhiều ở ven đô thị
  - Rau: ĐBSH là vùng SX lớn nhất
  - Đậu: Nhiều nhất Đông Nam Bộ
- **Cây công nghiệp**
  - Phân loại
    - Cây hàng năm và cây lâu năm
    - Cây có nguồn gốc nhiệt đới và cận nhiệt
  - Tình hình
    - Cây CN lâu năm
      - Cà phê Tây Nguyên, Đông Nam Bộ và Bắc Trung Bộ
      - Cao su Đông Nam Bộ, Tây Nguyên, Bắc Trung Bộ
      - Chè TD và MNBB, Tây Nguyên
      - Tiêu, điều Đông Nam Bộ, Tây Nguyên, Bắc Trung Bộ
      - Dừa ĐBSCL
    - Cây CN hàng năm
      - Mía, bông, đay, cói, thuốc lá, lạc, đậu tương, dâu tằm
      - Phát triển mạnh ở các đồng bằng
- **Cây ăn quả**
  - Số 1 ở Đồng bằng sông Cửu Long
  - Số 2 ở Đông Nam Bộ
  - Diện tích có xu hướng tăng

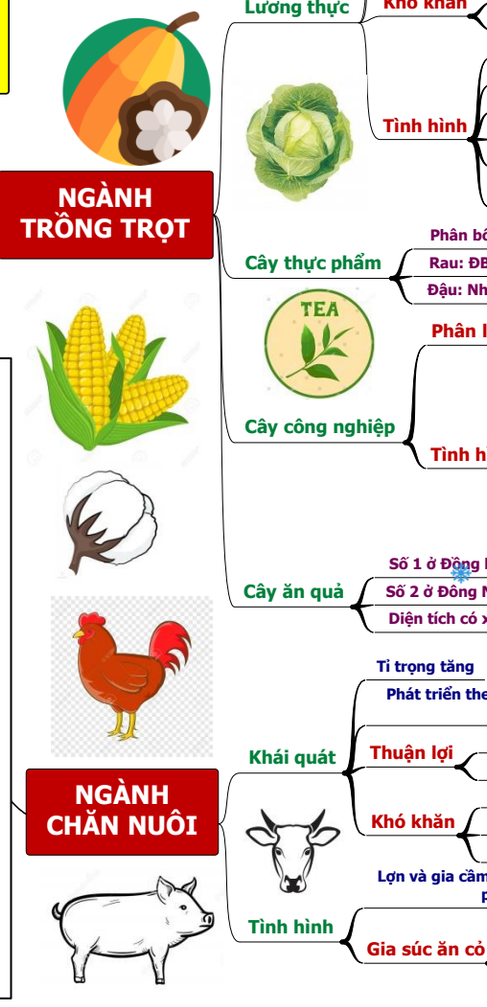

NGÀNH CHĂN NUÔI

- **Khái quát**
  - Tỉ trọng tăng
  - Phát triển theo hướng hàng hóa, chăn nuôi trạng trại công nghiệp
- **Thuận lợi**
  - Cơ sở thức ăn đảm bảo hơn
  - Dịch vụ giống, thú y có tiến bộ và phát triển rộng khắp
- **Khó khăn**
  - Dịch bệnh thường xuyên, diện rộng
  - Thị trường không ổn định
  - Hiệu quả chưa cao, chưa ổn định
- **Tình hình**
  - Lợn và gia cầm phát triển mạnh các tỉnh ven thành phố lớn, các đồng bằng
  - Gia súc ăn cỏ
    - Trâu ở TD và MNBB
    - Bò sữa ven các TP lớn
    - Dê, cừu tăng mạnh